

Dự thảo báo cáo Ban Kiểm Soát

Số: 06/BC-BKS

TP.HCM, ngày 01 tháng 06 năm 2021

**BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC**

- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Dịch vụ Du lịch Thủ Đức;
- Căn cứ vào số liệu báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty CP Dịch vụ Du lịch Thủ Đức đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC lập ngày 31/03/2021;
- Căn cứ vào các hồ sơ, chứng từ khác do Công ty CP Dịch vụ Du lịch Thủ Đức cung cấp.

Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra giám sát một số lĩnh vực cụ thể:

- **Kiểm soát hoạt động:** để xem xét mức độ hoạt động hiệu quả của Công ty.
- **Kiểm soát báo cáo tài chính:** kiểm tra mức độ đáng tin cậy của báo cáo tài chính.
- **Kiểm soát tuân thủ:** xem xét thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, đảm bảo việc chấp hành các luật lệ và các quy định ban hành được Công ty tuân thủ và hợp pháp.

Ban Kiểm soát kính trình Hội đồng Quản trị, Đại Hội Đồng cổ đông kết quả giám sát một số mặt hoạt động của Công ty CP Dịch vụ Du lịch Thủ Đức năm 2020 như sau:

Phần I – VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÁC CỔ ĐÔNG

Vốn điều lệ đến 31/12/2020 của Công ty là 129.172.080.000 đồng. Cụ thể như sau:

Stt	TÊN ĐƠN VỊ SỞ HỮU CỔ ĐÔNG	VỐN GÓP 31/12/2020		VỐN GÓP 01/01/2020	
		Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
1	Tổng Công ty DL Sài Gòn TNHH MTV	63.294.320.000	49,00%	63.294.320.000	49,00%
2	Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	49.020.320.000	37,95%	49.020.320.000	37,95%
3	Bà Huỳnh Thị Bích Ngân	16.233.440.000	12,57%	16.233.440.000	12,57%
4	Các cổ đông khác	579.000.000	0,45%	579.000.000	0,45%
5	Cổ phiếu quỹ	45.000.000	0,03%	45.000.000	0,03%
	TỔNG CỘNG	129.172.080.000	100,00%	129.172.080.000	100,00%

Phần II – KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG

1. Kết quả kinh doanh:

Đơn vị: đồng

Số TT	Chỉ tiêu	KH 2020	TH 2020	TH 2019	TH 2020 / TH 2019		TH 2020/ KH 2020
					S	%	
1	Tổng doanh thu	20.610.828.182	20.314.517.852	29.005.947.812	(8.691.429.960)	-29,96%	98,56%
1	Doanh thu HDKD	17.210.828.182	16.714.979.651	24.389.127.512	(7.674.147.861)	-31,47%	97,12%
2	Doanh thu HDTC	3.400.000.000	3.597.695.063	4.613.589.861	(1.015.894.798)	-22,02%	105,81%
3	Thu nhập khác		1.843.138	3.230.439	(1.387.301)	-42,94%	

Số TT	Chỉ tiêu	KH 2020	TH 2020	TH 2019	TH 2020 / TH 2019		TH 2020/ KH 2020
					S	%	%
II	Tổng chi phí	24.605.991.700	23.702.598.382	33.346.204.216	(9.643.605.834)	-28,92%	96,33%
1	Chi phí KD	24.605.991.700	23.700.498.382	33.346.204.216	(9.645.705.834)	-28,93%	96,32%
	- Giá vốn hàng bán	19.719.991.700	18.982.114.372	27.782.774.829	(8.800.660.457)	-31,68%	96,26%
	- Chi phí QLDN	4.750.000.000	4.681.735.111	5.417.477.194	(735.742.083)	-13,58%	98,56%
	<i>Trong đó: Chi phí KH</i>	<i>3.995.998.356</i>	<i>3.870.702.263</i>	<i>3.771.527.337</i>	<i>99.174.926</i>	<i>2,63%</i>	<i>96,86%</i>
	- Chi phí bán hàng	136.000.000	36.648.899	145.952.193	(109.303.294)	-74,89%	26,95%
2	Chi phí HĐTC		-		-		
3	Chi phí khác		2.100.000		2.100.000		
III	Lãi / Lỗ trước thuế	(3.995.163.518)	(3.388.080.530)	(4.340.256.404)	952.175.874	-21,94%	84,80%
1	Lãi / Lỗ từ HĐKD	(7.395.163.518)	(6.985.518.731)	(8.957.076.704)	1.971.557.973	-22,01%	94,46%
2	Lãi / Lỗ từ HĐTC	3.400.000.000	3.597.695.063	4.613.589.861	(1.015.894.798)	-22,02%	105,81%
3	Lãi / Lỗ Thu nhập khác		(256.862)	3.230.439	(3.487.301)	-107,95%	
IV	GOP (Lãi TT + KH)	834.838	482.621.733	(568.729.067)	1.051.350.800	-184,86%	57810,23%
V	Lương bình quân tháng		7.484.810	7.295.501	189.309	2,59%	
VI	Thu nhập BQ/ tháng		8.392.520	8.230.455	162.065	1,97%	

Các chỉ tiêu chính:

❖ Tổng doanh thu năm 2020 đạt 20 tỷ 315 triệu đồng, giảm 8 tỷ 691 triệu đồng tương ứng giảm 29,96% so với năm 2019, đạt 98,56% so với kế hoạch 2020. Trong đó:

- Doanh thu kinh doanh đạt 16 tỷ 715 triệu đồng, giảm 7 tỷ 674 triệu đồng, tương ứng giảm 31,47% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 97,12% so với kế hoạch 2020. Trong đó, tất cả các loại hình kinh doanh đều giảm so với cùng kỳ năm 2019, chỉ riêng doanh thu mặt bằng tăng 368 triệu, tương ứng tăng 23,46%.

- Doanh thu hoạt động tài chính đạt 3 tỷ 597 triệu đồng, đây là khoản lãi tiền gửi ngân hàng, giảm 1 tỷ đồng tương ứng giảm 22,02% so với năm 2019.

- Thu nhập khác: thực hiện chỉ 1,8 triệu đồng.

❖ Tổng chi phí thực hiện: năm 2020 là 23 tỷ 703 triệu đồng, giảm 9 tỷ 643 triệu đồng, tương ứng giảm 28,92% so với năm 2019, bằng 96,33% so với KH 2020.

❖ Lỗ trước thuế: 3 tỷ 388 triệu đồng, giảm lỗ 952 triệu đồng, tương ứng tăng 21,94%, so với năm 2019. Tăng 15,2% so với KH 2020. Nguyên nhân: do ảnh hưởng dịch Covid-19, doanh thu sụt giảm mạnh. Hoạt động kinh doanh chính lỗ 6 tỷ 985 triệu đồng, hoạt động tài chính lãi 3 tỷ 598 triệu đồng (lãi tiền gửi ngân hàng) bù đắp cho phần lỗ kinh doanh.

❖ GOP: thực hiện năm 2020 là 482 triệu đồng, tăng 1 tỷ đồng, tương ứng tăng 184,86% so với năm 2019.

Nhận xét chung: Năm 2020, hình hình kinh doanh của đơn vị bị ảnh hưởng trầm trọng bởi đại dịch Covid, doanh thu sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019. Tốc độ giảm doanh thu kinh doanh 31,47% nhiều hơn tốc độ giảm chi phí kinh doanh 28,93% so với năm 2019. Do vậy ngoài gia tăng doanh thu nếu cố gắng tiết giảm thêm chi phí thì kết quả kinh doanh sẽ giảm lỗ hơn trong tình hình kinh doanh khó khăn như hiện nay, hy vọng sẽ có tăng trưởng tích cực trong năm 2021.

Kinh doanh theo địa điểm:

DVT: Triệu đồng

Số TT	TÊN ĐƠN VỊ	THỰC HIỆN NĂM 2020			THỰC HIỆN NĂM 2019			SO SÁNH DOANH THU	SO SÁNH CHI PHÍ	SO SÁNH LÃI BỘ PHẬN
		DOANH THU	CHI PHÍ	LÃI BỘ PHẬN	DOANH THU	CHI PHÍ	LÃI BỘ PHẬN			
1	Câu lạc bộ sức khỏe 179 (không có doanh thu 15/03-10/05/2020)	1.563	2.647	(1.084)	2.518	4.263	(1.745)	62,10%	62,10%	62,09%
2	Khách sạn 204 (không có doanh thu 01/04-04/05/2020)	1.313	1.497	(184)	1.037	1.650	(614)	126,63%	90,69%	29,96%
3	Khách sạn 39 (không có doanh thu 02/04-01/05/2020)	2.444	2.965	(521)	4.243	4.059	184	57,61%	73,07%	-282,82%
4	Nhà hàng 39 (không có doanh thu 26/03-03/05/2020)	695	1.021	(327)	1.685	1.596	89	41,24%	63,99%	-368,05%
5	Nhà hàng Thuyền Chải (không có doanh thu 25/03-30/04/2020)	4.405	3.716	689	4.898	4.623	275	89,94%	80,39%	250,65%
6	Nhà hàng Nem (không có doanh thu 23/03-30/04/2020)	1.131	1.411	(280)	2.047	1.897	151	55,25%	74,42%	-186,15%
7	Khách sạn 126 (không có doanh thu 01/04-04/05/2020)	1.658	1.622	36	2.321	2.463	(142)	71,43%	65,84%	-25,52%
8	Khách sạn 177 (không có doanh thu 18/03-30/06/2020)	1.289	2.481	(1.192)	3.758	3.432	326	34,31%	72,29%	-365,85%
9	Khách sạn 174	636	1.473	(837)	584	2.624	(2.040)	108,89%	56,13%	41,01%
10	Cho thuê mặt bằng	1.555	211	1.344	1.248	1.372	(124)	124,56%	15,37%	-1080,79%
11	Cho thuê xe	11	-	11	16	0	15	70,30%	0,00%	71,29%
12	Khác (tiền điện Đo Đạc Bàn Đồ)	14	-	14	35	-	35	39,41%		39,41%
13	Chi phí quản lý + Chi phí NC chung	-	4.655	(4.655)	-	5.367	(5.367)		86,74%	86,74%
	Cộng cung cấp dịch vụ	16.715	23.700	(6.986)	24.389	33.346	(8.957)	68,53%	71,07%	77,99%
	Thu về hoạt động tài chính	3.598	-	3.598	4.614	-	4.614	77,98%		77,98%
	Thu nhập khác	2	2	(0)	3	-	3	57,06%		-7,95%
	Tổng cộng	20.315	23.703	(3.388)	29.006	33.346	(4.340)	70,04%	71,08%	78,06%

Năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19 nên ngoại trừ loại hình kinh doanh cho thuê mặt bằng và Khách sạn 204 doanh thu tăng, còn lại hầu như các loại hình kinh doanh khác doanh thu đều giảm từ 10% đến 65,69% so với cùng kỳ năm 2019, đặc biệt một số đơn vị giảm mạnh như Khách sạn 177 giảm 65,69%, Nhà hàng 39 giảm 58,76%.

Lãi bộ phận năm 2020 của các đơn vị đa phần bị lỗ dẫn đến kết quả kinh doanh chính lỗ 6 tỷ 986 triệu đồng (chỉ trừ Nhà hàng Thuyền Chải, kinh doanh cho thuê mặt bằng và cho thuê xe là vẫn có lãi).

Từ phân tích trên cho thấy bên cạnh các giải pháp để gia tăng doanh thu thì việc tiết giảm chi phí nhằm giảm lỗ bộ phận và tiết giảm các chi phí cố định ... là ưu tiên hàng đầu trong giai đoạn hiện nay.

1. Tình hình thực hiện chi phí:

Đvt: đồng

Số TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2020		NĂM 2019		CHÊNH LỆCH	
		Thực hiện	%/DT	Thực hiện	%/DT	Tuyệt đối	%
A	DOANH THU KINH DOANH	16.714.979.651		24.389.127.512		(7.674.147.861)	-31,47%
B	TỔNG CHI PHÍ KINH DOANH (I+II+III)	23.700.498.382	141,79%	33.346.204.216	136,73%	(9.645.705.834)	-28,93%
I	Giá vốn hàng bán	18.982.114.372	113,56%	27.782.774.829	113,91%	(8.800.660.457)	-31,68%
1	Chi phí nguyên vật liệu	4.286.949.096	25,65%	5.502.573.540	22,56%	(1.215.624.444)	-22,09%
2	Chi phí nhân công	4.540.737.573	27,17%	5.921.661.162	24,28%	(1.380.923.589)	-23,32%
	<i>Trong đó: Lương</i>	3.511.410.181	21,01%	4.733.111.459	19,41%	(1.221.701.278)	-25,81%
3	Chi phí khác	3.747.628.805	22,42%	4.901.245.362	20,10%	(1.153.616.557)	-23,54%
4	Chi phí cố định	6.406.798.898	38,33%	11.457.294.765	46,98%	(5.050.495.867)	-44,08%
	<i>Trong đó:</i>						
	<i>Thuế đất</i>	23.784.889	0,14%	23.743.225	0,10%	41.664	0,18%
	<i>Thuế đất</i>	2.828.085.326	16,92%	7.881.533.992	32,32%	(5.053.448.666)	-64,12%
	<i>KH TSCĐ</i>	3.554.928.683	21,27%	3.552.017.548	14,56%	2.911.135	0,08%
II	Chi phí bán hàng	36.648.899	0,22%	145.952.193	0,60%	(109.303.294)	-74,89%
III	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.681.735.111	28,01%	5.417.477.194	22,21%	(735.742.083)	-13,58%
1	Chi phí nhân công	3.127.674.267	18,71%	3.374.643.219	13,84%	(246.968.952)	-7,32%
	<i>Trong đó: Lương</i>	2.529.190.296	15,13%	2.751.299.965	11,28%	(222.109.669)	-8,07%
2	Chi phí khác	735.288.029	4,40%	1.236.324.187	5,07%	(501.036.158)	-40,53%
3	Chi phí cố định	818.772.815	4,90%	806.509.788	3,31%	12.263.027	1,52%
	<i>Trong đó:</i>						
	<i>Thuế nhà</i>	209.454.545	1,25%	575.999.999	2,36%	(366.545.454)	-63,64%
	<i>Thuế đất</i>	282.544.690	1,69%	0	0,00%	282.544.690	
	<i>Thuế môn bài</i>	11.000.000	0,07%	11.000.000	0,05%	-	0,00%
	<i>KH TSCĐ</i>	315.773.580	1,89%	219.509.789	0,90%	96.263.791	43,85%
C	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(6.985.518.731)	-41,79%	(8.957.076.704)	-36,73%	1.971.557.973	-22,01%

Nhìn chung năm 2020 các chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí khác, chi phí quản lý doanh nghiệp đều giảm, tuy nhiên tốc độ giảm một số chi phí còn thấp so với tốc độ giảm của doanh thu như chi phí nguyên vật liệu giảm 22,09%, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 13,58%.

- **Giá vốn hàng bán:** Năm 2020 chi phí giá vốn hàng bán là 18 tỷ 982 triệu đồng (113,56%/doanh thu) giảm so với năm 2019 là 27 tỷ 782 triệu đồng (113,91%/doanh thu) – Tỷ trọng chi phí giá vốn hàng bán cao vượt doanh thu chủ yếu do phần chi phí tiền thuê đất và khấu hao TSCĐ, cụ thể:

- Chi phí tiền thuê đất năm 2020 là 3 tỷ 134 triệu đồng, giảm 60,35% so với cùng kỳ năm 2019 là 7 tỷ 905 triệu đồng (do năm 2019 có khoản truy thu tiền thuê đất từ 17/05/2016 đến 31/12/2018 là 4,840 tỷ).

- Chi phí khấu hao: năm 2020 là 3 tỷ 870 triệu đồng, tăng nhẹ 2,63% so với cùng kỳ là 3 tỷ 771 triệu đồng.

- Chi phí tiền lương: năm 2020 là 6 tỷ 040 triệu đồng, giảm 19,29% so với cùng kỳ là 7 tỷ 484 triệu đồng. Tiền lương bình quân người lao động năm 2020 là 7,484 triệu đồng và thu nhập bình quân là 8,392 triệu đồng, điều này chứng tỏ đơn vị đã cố gắng nỗ lực để giữ thu nhập người lao động tương đương năm 2019.

- **Chi phí bán hàng:** Năm 2020 là 36,6 triệu đồng, giảm 74,89% so với cùng kỳ năm 2019, do ảnh hưởng của dịch bệnh nên hoạt động kinh doanh bị sụt giảm.

• **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Năm 2020 là 4 tỷ 681 triệu đồng, giảm 13,58% so với cùng kỳ năm 2019 là 5 tỷ 417 triệu đồng, điều này cho thấy đơn vị có cố gắng tiết giảm các chi phí quản lý so với năm trước.

Phần II – TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính Công ty năm 2020:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	01/01/2020	Chênh lệch	
			Tuyệt đối	%
TÀI SẢN				
A. Tài sản ngắn hạn	68.233.616.159	69.976.314.484	(1.742.698.325)	-2,49%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.213.907.089	2.072.362.940	3.141.544.149	151,59%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	58.040.000.000	64.040.000.000	(6.000.000.000)	-9,37%
III. Các khoản phải thu	4.035.214.216	3.360.407.618	674.806.598	20,08%
1. Phải thu của khách hàng	647.246.825	831.163.625	(183.916.800)	-22,13%
2. Trả trước cho người bán	2.177.667.095	295.047.100	1.882.619.995	638,07%
3. Các khoản phải thu khác	1.210.300.296	2.234.196.893	(1.023.896.597)	-45,83%
IV. Hàng tồn kho	86.452.556	126.326.345	(39.873.789)	-31,56%
V. Tài sản ngắn hạn khác	858.042.298	377.217.581	480.824.717	127,47%
B Tài sản dài hạn	56.696.356.129	61.098.531.283	(4.402.175.154)	-7,21%
I. Các khoản phải thu dài hạn	5.000.000	5.000.000	-	0,00%
II. Tài sản cố định	51.483.370.673	54.956.468.839	(3.473.098.166)	-6,32%
1. Tài sản cố định hữu hình	50.991.710.773	54.136.800.635	(3.145.089.862)	-5,81%
2. Tài sản cố định thuê tài chính				
3. Tài sản cố định vô hình	10.481.378	10.481.378	-	0,00%
4. Chi phí xây dựng dở dang	481.178.522	809.186.826	(328.008.304)	-40,54%
III. Bất động sản đầu tư			-	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.733.593.120	4.733.593.120	-	0,00%
1. Đầu tư dài hạn khác	4.733.593.120	4.733.593.120	-	0,00%
V. Tài sản dài hạn khác	474.392.336	1.403.469.324	(929.076.988)	-66,20%
1. Chi phí trả trước dài hạn	474.392.336	1.403.469.324	(929.076.988)	-66,20%
Tổng cộng tài sản	124.929.972.288	131.074.845.767	(6.144.873.479)	-4,69%
NGUỒN VỐN				
A. Nợ phải trả	3.423.090.947	6.179.883.896	(2.756.792.949)	-44,61%
I. Nợ ngắn hạn	2.983.090.947	5.634.883.896	(2.651.792.949)	-47,06%
1. Phải trả cho người bán	614.737.107	2.850.058.908	(2.235.321.801)	-78,43%
2. Thuế và các khoản phải nộp NN	387.596.349	453.670.754	(66.074.405)	-14,56%
3. Phải trả công nhân viên	527.965.000	580.000.000	(52.035.000)	-8,97%
4. Các khoản phải trả phải nộp khác	1.452.792.491	1.751.154.234	(298.361.743)	-17,04%
II. Nợ dài hạn	440.000.000	545.000.000	(105.000.000)	-19,27%
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	121.506.881.341	124.894.961.871	(3.388.080.530)	-2,71%
I. Vốn chủ sở hữu	121.506.881.341	124.894.961.871	(3.388.080.530)	-2,71%
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	129.127.080.000	129.127.080.000	-	0,00%
2. Lợi nhuận chưa phân phối	(7.620.198.659)	(4.232.118.129)	(3.388.080.530)	80,06%
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			-	
Tổng cộng nguồn vốn (440= 300+400)	124.929.972.288	131.074.845.767	(6.144.873.479)	-4,69%

Tại thời điểm 31/12/2020, tình hình tài chính Công ty như sau:

- Cơ cấu tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn, chiếm tỷ trọng 54,62% trên tổng tài sản, trong đó chủ yếu là khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiền gửi).

+ Tài sản dài hạn chủ yếu là tài sản cố định và các khoản đầu tư góp vốn dài hạn chiếm 45,38% trên tổng tài sản của Công ty.

- Cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 giảm so với năm trước, chiếm tỷ lệ 2,74% trong tổng nguồn vốn của Công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 giảm so với năm trước do ảnh hưởng của dịch bệnh đơn vị bị lỗ. Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lệ 97,26% trong tổng nguồn vốn của doanh nghiệp.

Tình hình công nợ đến 31/12/2020:

NỢ PHẢI THU		NỢ PHẢI TRẢ	
CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
NGẮN HẠN	4.035.214.216	NGẮN HẠN	2.983.090.947
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	647.246.825	Phải trả người bán ngắn hạn	612.550.325
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.177.667.095	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.186.782
Phải thu ngắn hạn khác	1.633.271.820	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	387.596.349
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(422.971.524)	Phải trả người lao động	527.965.000
		Chi phí phải trả ngắn hạn	190.328.906
		Phải trả ngắn hạn khác	1.262.463.585
DÀI HẠN	5.000.000	DÀI HẠN	440.000.000
Phải thu dài hạn khác	5.000.000	Phải trả dài hạn khác	440.000.000
TỔNG CỘNG	4.040.214.216	TỔNG CỘNG	3.423.090.947
Nợ phải thu / Nợ phải trả		1,18	
Phải thu khách hàng / Phải trả người bán		1,06	

Tổng nợ phải thu của đơn vị là 4 tỷ 040 triệu đồng, trong đó Phải thu ngắn hạn là 4 tỷ 035 triệu đồng, chiếm 99,87% Nợ phải thu.

Nợ phải trả là 3 tỷ 423 triệu đồng, trong đó Phải trả ngắn hạn là 2 tỷ 983 triệu đồng, chiếm 87,14% Nợ phải trả.

Tỷ lệ Nợ phải thu/ Nợ phải trả là 1,18 lần và tỷ lệ Phải thu khách hàng/ Phải trả người bán là 1,06 lần, điều này cho thấy Công ty đang bị các đối tác chiếm dụng vốn. Đơn vị cần tích cực thu hồi công nợ.

Phân tích tuổi nợ công nợ phải thu:

STT	TUỔI NỢ	SỐ TIỀN	TỶ TRỌNG	GHI CHÚ
1	Dưới 3 tháng	1.549.905.992	38,36%	Đến thời điểm hiện tại đã thu 215.665.781 đồng.
2	Dưới 6 tháng	1.478.975.624	36,61%	Khoản mục này bao gồm các khoản tạm ứng theo: 1/Hợp đồng thi công Cài tạo Sân vườn 24 KT của Cty Kiến Mỹ Gia (300.475.624 đ); 2/ Tạm ứng đợt 1(50%) giá trị hợp đồng 05 (03/09/2020) về Tư vấn lập phương án đầu tư và xin phép Xây dựng Kiốt tại 04 NBK (Công ty Thép Việt): 232.500.000 đồng; 3/ Tạm ứng đợt 1 (40%) giá trị hợp đồng 03 (15/09/2020) Tư vấn thủ tục đổi tên và mục đích sử dụng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các khu đất công ty đang quản lý cho Công Ty Kiến Mỹ Gia: 946.000.000 đồng.
3	Dưới 9 tháng	459.149.371	11,36%	Tạm ứng đợt 1 (30%) giá trị hợp đồng 01 (25/03/2020) thi công sửa chữa 24 Không Từ.
4	Trên 1 năm	552.183.229	13,67%	Chủ yếu là các khoản nợ khó đòi phát sinh trước khi CPH gồm có Anh Minh Nguyễn (362.971.524 đ) và Công ty TNHH Tư vấn XD Lộc Phát 96.000.000 đ) đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100% (422.971.524 đ). Trong khoản nợ này có tiền đặt cọc 36.000.000 đồng.
CỘNG		4.040.214.216		

Tại thời điểm 31/12/2020, số công nợ phải thu có tuổi nợ trên 1 năm là 552,1 triệu đồng, trong đó chủ yếu là các khoản công nợ khó đòi phát sinh từ trước khi cổ phần hoá 422,9 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 11,35% Tổng nợ phải thu. Đề nghị Ban lãnh đạo đơn vị tích cực tìm các biện pháp để xử lý dứt điểm các khoản nợ khó đòi nói trên.

2. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản trong kỳ

Đơn vị tính: đồng

STT	HẠNG MỤC	TỔNG DỰ TOÁN	ĐÃ THỰC HIỆN				HÌNH THỨC ĐẦU THẦU	THỜI ĐIỂM TĂNG TÀI SẢN
			CÔNG TRÌNH ĐÓNG DANG	CÔNG TRÌNH ĐÃ HOÀN THÀNH (ĐÃ KIỂM TOÁN & ĐƯA VÀO SỬ DỤNG)	VAT	CỘNG		
I	DỰ ÁN CHƯA THỰC HIỆN	4.097.900.000	142.306.683	-	14.230.664	156.537.347		
	Kho bãi KP4 P.Linh Trung	4.097.900.000	142.306.683		14.230.664	156.537.347		
II	DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN	34.385.352.060	-	28.584.207.796	2.840.767.408	31.424.975.204		
	Khách sạn 177	10.135.300.059		8.689.667.493	865.326.357	9.554.993.850	Đầu thầu rộng rãi 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ 01/2019	
	CLBSK 179	6.477.187.000		6.498.982.612	636.771.282	7.135.753.894	Đầu thầu rộng rãi 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ 02/2019	
	Khách sạn 39	3.226.181.012		2.237.749.579	223.774.958	2.461.524.537	Đầu thầu rộng rãi 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ 12/2018	

	Khách sạn 126	5.337.501.178		4.152.550.446	415.255.047	4.567.805.493	Đầu thầu rộng rãi 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	12/2018
	Nem Thủ Đức	420.587.000		353.506.225	35.350.621	388.856.846	Chỉ định thầu	12/2018
	Khách sạn 174-176 (02 Nguyễn Bình Khiêm)	7.036.679.640		3.039.902.368	303.176.236	3.343.078.604	Chỉ định thầu	02/2019
	Khách sạn 204	1.751.916.171		3.611.849.073	361.112.907	3.972.961.980	Chỉ định thầu	11/2019
III	DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN	3.225.101.275	73.857.452	-	7.385.745	81.243.197		
	Biệt thự 24 Không Tử (VPCT)	3.225.101.275	73.857.452		7.385.745	81.243.197	Đầu thầu rộng rãi 1 giai đoạn 1 túi hồ sơ	
IV	CHI PHÍ ĐO ĐẠC LẬP BẢN VẼ HIỆN TRẠNG VỊ TRÍ CÁC KHU ĐẤT CTY QUẢN LÝ	-	265.014.387	-	26.501.444	291.515.831		
	Văn phòng Công ty		22.875.984		2.287.599	25.163.583		
	Khách sạn 126		22.875.984		2.287.599	25.163.583		
	Khách sạn 174-176		57.570.150		5.757.016	63.327.166		
	Khách sạn 39		22.875.984		2.287.599	25.163.583		
	Khách sạn 204		22.875.984		2.287.599	25.163.583		
	Khách sạn 177		20.193.720		2.019.372	22.213.092		
	CLBSK 179		22.875.984		2.287.599	25.163.583		
	Nhà hàng 144		22.875.984		2.287.599	25.163.583		
	Tư vấn thủ tục đổi tên & mục đích sử dụng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các khu đất Công ty quản lý		39.738.181		3.973.819	43.712.000		
	Lập bản đồ hiện trạng vị trí hợp khối xây dựng khách sạn 174-176-177-179		10.256.432		1.025.643	11.282.075		
	TỔNG CỘNG	41.708.353.335	481.178.522	28.584.207.796	2.888.885.261	31.954.271.579		

Công trình dở dang (481.178.522đ) chủ yếu là chi phí đo đạc lập bản vẽ hiện trạng vị trí các khu đất Công ty đang quản lý.

Năm 2020 Công ty đã thu lại nhà thầu chi phí tư vấn thiết kế Khách sạn 126 chi theo giá trị dự toán của công trình cao hơn số kiểm toán 3.586.118đồng như Báo cáo của Ban kiểm soát ngày 18/06/2020 đã nêu.

3. Các khoản đầu tư ngoài doanh nghiệp:

Tổng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác đến ngày 31/12/2020 là: **4.733.593.120 đồng**. Bao gồm 2 đơn vị là Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn và Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu. Cụ thể như sau:

a. Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn: 4.365.052.420 đồng.

Theo báo cáo quyết toán năm 2020 của Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn, lợi nhuận sau thuế năm 2020 là: -1.119.422.941 đồng. Trong năm 2020 Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn không thực hiện chia cổ tức.

b. Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu là: 368.540.700 đồng

Theo báo cáo Quyết toán năm 2020 của Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu, lợi nhuận sau thuế năm 2020 là -429.529.643 đồng. Lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 454.093.509 đồng. Công ty vẫn còn lỗ lũy kế nên năm 2020 Công ty Cổ phần Sài Gòn - Sông Cầu không chia cổ tức.

4. Tình hình lỗ lũy kế

ĐVT: triệu đồng

Diễn giải	Tổng Doanh thu	Tốc độ tăng trưởng Doanh thu	GOP		Lãi Trước Thuế	Khấu hao Tài sản cố định	Lãi vay Ngân Hàng	Lãi (Lỗ) Sau thuế	Tốc độ tăng trưởng Lãi Sau Thuế
			(Lãi Trước Thuế + KH + Lãi vay)	Tốc độ tăng trưởng GOP					
Năm 2016 (18/05-31/12/2016)	15,586		0		149	1,522		93	
Năm 2017	22,410	143.78%	0	126.59%	(471)	2,586		(471)	509%
Năm 2018	23,571	105.18%	0	146.62%	487	2,614		487	103%
Năm 2019	29,006	123.06%	(0)	-18.34%	(4,340)	3,772		(4,340)	-892%
Năm 2020	20,315	70.04%	0	-84.86%	(3,388)	3,871		(3,388)	78%
Cộng	110,887		6,801		(7,563)	14,365	-	(7,620)	

Tính đến 31/12/2020, số lỗ lũy kế của Công ty là 7 tỷ 620 triệu đồng, bằng 5,9% Vốn góp chủ sở hữu.

Phần III – KIỂM SOÁT TUÂN THỦ - TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ của mình dựa theo điều lệ và quy định của pháp luật . Đã thực hiện giám sát, lãnh đạo theo Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2020:

Hội đồng Quản trị thực hiện tổ chức họp định kỳ với các nội dung nhằm chỉ đạo kịp thời các phương án kinh doanh năm 2020 và kiến nghị đề xuất các chiến lược của năm 2021 phù hợp với tình hình thực tế. Tuy nhiên do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 nên một số kế hoạch, dự định bị dừng lại.

1. **Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:** 01 Nghị quyết với 10 nội dung, hiện đã thực hiện hoàn thành tất cả các nội dung.

2. **Tình hình thực hiện Nghị quyết Hội đồng quản trị:** 04 Nghị quyết với 25 nội dung, hiện đã thực hiện xong hầu hết các nội dung và đang tiếp tục một số công việc còn lại như:

+ Xóa nợ khoản công nợ phải thu khó đòi đã trích lập dự phòng 100% là 422.971.524 đ (gồm Cty TNHH Ánh Minh Nguyễn: 362.971.524đ & Cty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Lộc Phát: 60.000.000 đ).

+ Tại khu đất số 195/3 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, TP.Thủ Đức, Tp.HCM: Công ty đã làm báo cáo việc truy thu tiền thuê đất từ ngày 01/10/2014-11/05/2016 gửi về Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn TNHH MTV (công văn 128 & 129/CV-DLTD ngày 05/10/2020), và xin ý kiến phân hồi giải quyết bằng văn bản từ Tổng Công ty vì đây là thời gian trước cổ phần hóa (Công ty CP Dịch Vụ Du Lịch Thủ Đức đã tạm nộp truy thu tiền thuê đất cho Chi Cục Thuế Quận Thủ Đức và hạch toán ở tài khoản phải thu ngắn hạn khác 13881N: 342.623.772 đ). Vấn đề này cũng được kiểm toán độc lập AASC đề cập trong mục Vấn đề cần nhấn mạnh của Báo cáo kiểm toán năm 2020.

+ Triển khai phương án xây dựng làm kiốt kết hợp văn phòng cho thuê tại khách sạn 174 (04 Nguyễn Bình Khiêm).

Phần IV – BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021:

Theo ý kiến của Ban kiểm soát báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần DV Du lịch Thủ Đức phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty đã hạch toán khoản truy thu tiền thuê đất từ 17/05/2016 đến 31/12/2018 là 4.840.760.877đồng vào chi phí năm 2019.

Công ty đã thu được khoản nợ khó đòi của Công Ty Cổ Phần ET Global Việt Nam là 18.890.000đồng.

Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 dẫn đến nền kinh tế của toàn thế giới bị sụt giảm nặng đặc biệt là ngành du lịch, nhà hàng, khách sạn. Tuy kết quả kinh doanh năm 2020 không đạt được kế hoạch đặt ra, nhưng có thể nhận thấy sự nỗ lực của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty trong việc thực hiện điều hành, giám sát, phát triển kinh doanh. Ban kiểm soát Công ty có một số ý kiến đề xuất như sau:

- **Về việc gia hạn hoặc miễn giảm các loại thuế :** Trước tình hình dịch bệnh covid-19 kéo dài đã làm ảnh hưởng đến đời sống của người lao động và hoạt động sản xuất kinh doanh của các Doanh nghiệp. Đặc biệt là ngành du lịch bị ảnh hưởng rất nặng nề, do đó Công ty cần theo dõi và cập nhật kịp thời các chính sách ưu đãi miễn, giảm, giãn nộp thuế của Chính phủ ban hành để làm các thủ tục cần thiết theo yêu cầu để được hưởng ưu đãi nhằm giảm bớt phần nào khó khăn cho Công ty.

- **Về lao động tiền lương :** Trước tình hình diễn biến dịch bệnh khó lường hiện nay, Công ty cần có phương án sử dụng lao động hợp lý nhất có thể, nhằm tiết kiệm bớt chi phí, nên khuyến khích người lao động nghỉ không lương hoặc tạm hoãn hợp đồng lao động đối với các lao động (dễ tuyển dụng).

- **Về kế hoạch kinh doanh năm 2021:** Ban điều hành cần xây dựng nhiều kịch bản kinh doanh tương ứng với tình hình dịch Covid-19 hiện nay, từ đó đưa ra các giải pháp về nhân sự, kinh doanh, tài chính tương ứng với từng kịch bản.

- Định hướng hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2021 :

Cho đến hiện nay, tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại hẳn mà đang diễn biến phức tạp. Dự báo năm 2021 và những năm tiếp theo vẫn còn khó khăn đối với ngành du lịch, dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống. Ban Kiểm Soát tiếp tục thực hiện các chức năng nhiệm vụ của mình nhằm giám sát, và báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần DVDL Thủ Thủ Đức cho Hội đồng quản trị để đưa ra những chỉ đạo, định hướng kịp thời cho sự phát triển của Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm Soát thẩm định tình hình hoạt động và báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần DV Du lịch Thủ Đức. Chúng tôi phản ánh và ghi nhận về tình hình hoạt động của Công ty năm 2020 trên cơ sở thẩm tra các báo cáo tài chính đã kiểm toán.

Trân trọng./.

BAN KIỂM SOÁT

Nơi nhận:

- Các Cổ đông, HĐQT
- Các thành viên BKS
- Ban TGD.
- Lưu VP Cty và Ban KS

VĂN THỊ THÙY TRANG HOÀNG HỮU HUY

Bài viết liên quan

[BCTC TÓM TẮT - QUÝ IV.2024](#)

[BCTC TÓM TẮT - NĂM.2024](#)

[Thông báo thay đổi nhân sự thành viên Ban kiểm soát](#)

[BCTC TÓM TẮT - QUY III.2024](#)

[BCTC TÓM TẮT - 6T.2024](#)

[BCTC TÓM TẮT - QUÝ II.2024](#)